HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 19 /NQ-HĐND	*Châu Phú, ngày 26 tháng 8 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn dự kiến phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (nguồn vốn đầu tư ngân sách huyện)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ HAI
(Ngày 26 tháng 8 năm 2021)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Công văn số 833/UBND-KTTH ngày 09 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh An Giang về việc dự kiến phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp huyện quản lý;

Xét Tờ trình số 170/TTr-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú về việc Về việc phê chuẩn phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 (nguồn vốn đầu tư ngân sách huyện); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn dự kiến phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (nguồn vốn đầu tư ngân sách huyện), như sau:

1. Mục tiêu của phương án phân bổ: Ưu tiên phân bổ vốn để cơ bản đảm bảo hoàn thành các tiêu chí Nông thôn mới tại các xã điểm đã đăng ký với tỉnh và đối ứng các công trình với tỉnh.

2. Tổng số nguồn thu (dự kiến) và vốn phân bổ

2.1. Nguồn thu (dự kiến)

Dự kiến tổng nguồn thu ngân sách huyện phân bổ kế hoạch trung hạn: **1.134.384 triệu đồng**. Trong đó:

- Vốn đầu tư tập trung: **155.834 triệu đồng.**

- Vốn khác (sử dụng đất): **978.550** triệu đồng, gồm:

+ Dự kiến thu tiền bán đất công hằng năm (trừ các dự án lớn): 4 tỷ/năm x 5 năm là 20.000 triệu đồng.

+ Bán khu đất trạm buýt thuộc khóm Vĩnh Thuận, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung là 24.000 triệu đồng.

+ Dự kiến đấu giá Trụ sở UBND thị trấn Cái Dầu (cũ) là 100.000 triệu đồng.

+ Dự kiến đấu giá Sân vận động huyện Châu Phú là 100.000 triệu đồng.

+ Dự kiến thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất Dự án khu đô thị Sao Mai Tây thị trấn Cái Dầu 50 ha là 97.500 triệu đồng.

+ Dự kiến thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất Dự án Khu đô thị mới Sao Mai Bình Long 98 ha là 95.550 triệu đồng.

+ Dự kiến thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất của Dự án khu đô thị Cầu Chữ S, thị trấn Cái Dầu 10 ha là 12.900 triệu đồng.

+ Dự kiến thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất của Dự án khu dân cư An Thịnh, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung 100 ha là 60.000 triệu đồng.

+ Dự kiến thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất của Cụm Công nghiệp Mỹ Phú, xã Mỹ Phú 70 ha là 73.500 triệu đồng.

+ Dự kiến thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất của Dự án Khu Dân cư ấp Mỹ Lợi (Chợ Ba Tiệm), xã Mỹ Phú 20 ha là 21.000 triệu đồng.

+ Dự kiến thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất của Dự án Khu Dân cư ấp Mỹ Lợi (Cánh đồng lớn), xã Mỹ Phú thuộc cụm công nghiệp Mỹ Phú 75 ha là 52.500 triệu đồng.

+ Dự kiến thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất của Dự án Khu đô thị mới Bình Mỹ 200 ha là 192.000 triệu đồng.

+ Dự kiến thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất của Dự án Khu dân cư Tài Lộc Phát xã Thạnh Mỹ Tây 10 ha là 12.500 triệu đồng.

+ Dự kiến thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất của Dự án Hoa viên Thạnh Mỹ Tây kết hợp Khu dân cư, xã Thạnh Mỹ Tây 150 ha là 31.500 triệu đồng.

+ Dự kiến thu tiền đấu giá cho thuê đất 50 năm của 5 chợ trên địa bàn huyện là 150.000 triệu đồng.

+ Trích 10% lệ phí đo đạc: 24.400 triệu đồng.

+ Trừ ứng trước dự toán 2021 là 40.000 triệu đồng.

Tổng cộng số thu từ sử dụng đất dành cho đầu tư: 1.042.950 - 24.400 - 40.000 = 978.550 triệu đồng.

2.2. Nguồn vốn phân bổ *(Đính kèm Biểu chi tiết phân bổ)*

Tổng số dự án dự kiến phân bổ là **189** dự án với tổng số vốn là **1.134.384** triệu đồng. Trong đó: Vốn đầu tư tập trung: **155.834** triệu đồng, vốn sử dụng đất: **978.550** triệu đồng.

3. Nguyên tắc phân bổ

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn phải phù hợp các mục tiêu, định hướng của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021-2025, Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện và các quy hoạch ngành, lĩnh vực.

- Tập trung xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản các công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 và phần còn lại mới bố trí các công trình khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn các xã điểm Nông thôn mới.

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn.

4. Đánh giá

- Đảm bảo nguyên tắc phân bổ vốn theo quy định của tỉnh như: Tuân thủ các quy định Luật đầu tư công, Luật Ngân sách. Bố trí tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả vốn đầu tư.

- Đảm bảo các công trình Nông thôn mới cho các xã còn lại đều được triển khai để hoàn thành mục tiêu xây dựng Nông thôn mới.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú ban hành Quyết định phê chuẩn phương án phân bổ chi tiết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn vốn đầu tư ngân sách huyện) và triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa XII, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 26 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Huyện ủy, HĐND, UBND huyện;
- BTT. UBMTTQVN huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ T. AN GIANG

Nguyễn Phước Nên

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH HUYỆN)

(Kèm theo Nghị quyết số: 19 /NQ-HĐND ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Phú)

ĐVT: Triệu đồng

STT	CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương			Lũy kế bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương			Nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Trong đó: Ngân sách huyện	Trong đó: Nguồn vốn khác	Số Quyết định	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Trong đó: Ngân sách huyện	Trong đó: Nguồn vốn khác	Tổng số (NSH)	Trong đó: Vốn đầu tư tập trung	Trong đó: Vốn sử dụng đất	Tổng số (NSH)	Trong đó: Vốn đầu tư tập trung	Trong đó: Vốn sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: ĐTTT	Trong đó: SDĐ	Tổng số	Trong đó: ĐTTT	Trong đó: SDĐ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	32	33
	TỔNG CỘNG (189 dự án)						**1.437.354**	**752.305**	**578.354**	**460**		**692.190**	**380.856**	**310.141**	**1.194**	**144.006**	**51.027**	**92.979**	**144.006**	**51.027**	**92.979**	**1.134.384**	**155.834**	**978.550**	**1.134.384**	**155.834**	**978.550**		
I	**DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025 (43 dự án)**						**613.637**	**341.861**	**270.581**	**460**		**616.575**	**333.187**	**282.194**	**1.194**	**143.406**	**51.027**	**92.379**	**143.406**	**51.027**	**92.379**	**101.807**	**24.849**	**76.958**	**101.807**	**24.849**	**76.958**		
a	**Quốc phòng**						**4.788**	**0**	**4.788**	**0**		**4.675**	**0**	**4.675**	**0**	**2.121**	**100**	**2.021**	**2.121**	**100**	**2.021**	**4.645**	**3.000**	**1.645**	**4.645**	**3.000**	**1.645**		
1	Cải tạo, nâng cấp Ban Chỉ huy quân sự huyện Châu Phú	TTVTT	Cải tạo khối nhà làm việc	C	2020-2022	1919/QĐ-UBND 26/10/2020	2.033		2.033		2402/QĐ-UBND 22/12/2020	1.970		1.970		1.961	0	1.961	1.961	0	1.961	2.000	2.000	0	2.000	2.000	0	Ban QLDA	
2	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Ô Long Vĩ	OLV	Xây mới khối nhà làm việc, HTKT, thiết bị	C	2019-2021	1857/QĐ-UBND 06/9/2019	2.755		2.755		2551/QĐ-UBND 31/12/2020; 1116/QĐ-UBND 22/2/2021	2.705		2.705		160	100	60	160	100	60	2.645	1.000	1.645	2.645	1.000	1.645	Ban QLDA	
b	**An ninh và trật tự, an toàn xã hội**						**6.244**	**0**	**6.244**	**0**		**12.165**	**0**	**12.165**	**0**	**5.978**	**2.293**	**3.685**	**5.978**	**2.293**	**3.685**	**2.859**	**500**	**2.359**	**2.859**	**500**	**2.359**		
3	Trụ sở Công an xã Bình Mỹ	BM	Xây mới khối nhà làm việc, HTKT, thiết bị	C	2019-2021	2280/QĐ-UBND 14/12/2020	3.533		3.533		98/QĐ-UBND 12/01/2021	3.426		3.426		200	100	100	200	100	100	163		163	163		163	Ban QLDA	
4	Trụ sở Công an xã Ô Long Vĩ	OLV	Xây mới khối nhà làm việc, HTKT, thiết bị	C	2019-2020	1856/QĐ-UBND 06/9/2019	2.711		2.711		2269/QĐ-UBND 29/10/2019; 1117/QĐ-UBND 22/2/2021	2.707		2.707		61	61	0	61	61	0	2.646	500	2.146	2.646	500	2.146	Ban QLDA	
5	Trụ sở công an và khối vận xã Bình Long	BL	Xây mới nhà làm việc + thiết bị	C	2019-2020						2270/QĐ-UBND 29/10/2019	6.031		6.031		5.717	2.132	3.585	5.717	2.132	3.585	50		50	50		50	Ban QLDA	
c	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**						**318.513**	**245.416**	**73.097**	**0**		**331.056**	**249.379**	**81.677**	**0**	**33.588**	**13.681**	**19.907**	**33.588**	**13.681**	**19.907**	**10.950**	**0**	**10.950**	**10.950**	**0**	**10.950**		
6	Trường TH A TTCD (phần mở rộng)	TTCD	San lấp mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật, nhà tầm	C	2018-2020	1762/QĐ-UBND 04/9/18	3.300	0	3.300		4069/QĐ-UBND 30/10/02018	3.297	0	3.297		2.962	1.106	1.856	2.962	1.106	1.856	10		10	10		10	Ban QLDA	
7	Trường TH A VTT điểm chính (Vĩnh Hưng)	TTVTT	Xây mới 18 phòng học, cải tạo các phòng học thành phòng chức năng, hạ tầng kỹ tuật, hiết bị	C	2017-2019	914/QĐ-UBND 31/3/2016 206/QĐ-UBND 16/01/2017	19.893	16.440	3.453		3302/QĐ-UBND 31/10/2017	19.678	15.211	4.467		2.276	1.976	300	2.276	1.976	300	8		8	8		8	Ban QLDA	
8	Trường TH B VTT điểm chính (Vĩnh Thuận)	TTVTT	Xây mới 6 phòng học, các phòng chức năng, cải tạp 7 phòng học, công trị phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật, thiết bị	C	2017-2019	913/QĐ-UBND 31/3/2016 205/QĐ-UBND 16/01/2017	19.581	16.182	3.399		2693/QĐ-UBND ngày 06/11/2019	19.262	14.097	5.165		2.038	999	1.039	2.038	999	1.039	7		7	7		7	Ban QLDA	
9	Trường TH D Vĩnh Thạnh Trung điểm chính (Vĩnh An)	TTVTT	Xây mới 08 phòng học + 01 phòng học ngoại ngữ + thư viện + các phòng chức năng; cải tạo 13 phòng học + nhà vệ sinh; công trình phụ trợ + HTKT; trang thiết bị	C	2018-2021	4079/VP-UBND-KGVX ngày 20/9/2017	24.707	19.388	5.319		635/QĐ-UBND ngày 24/3/2020	31.269	22.026	9.243		2.021	160	1.861	2.021	160	1.861	1.500		1.500	1.500		1.500	Ban QLDA	
10	Trường THCS Vĩnh Thạnh Trung	TTVTT	Xây mới 02 phòng học + 03 phòng học bộ môn + thư viện + các phòng chức năng; cải tạo 14 phòng học; công trình phụ trợ + HTKT; trang thiết bị	C	2018-2021	2713/QĐ-UBND 20/11/2020	23.056	19.137	3.919		3301/QĐ-UBND 31/10/2017; 839/QĐ-UBND 21/4/2021	23.056	19.137	3.919		1.401	53	1.348	1.401	53	1.348	500		500	500		500	Ban QLDA	
11	Trường THCS Vĩnh Thạnh Trung 2	TTVTT	Xây mới 08 phòng học + 06 phòng học bộ môn + thư viện + các phòng chức năng; cải tạo 18 phòng học; công trình phụ trợ + HTKT; trang thiết bị	C	2018-2021	1699/QĐ-UBND 23/6/2016 202/QĐ-UBND 16/01/2017	26.353	21.779	4.574		3054/QĐ-UBND ngày 13/10/2017	26.348	20.738	5.610		1.965	408	1.557	1.965	408	1.557	1.500		1.500	1.500		1.500	Ban QLDA	
12	Mở rộng trường THCS Vĩnh Thạnh Trung (tên cũ Tạo quỹ đất Trường THCS Vĩnh Thạnh Trung)	TTVTT	San lấp mặt bằng, hàng rào lưới B40	C	2021-2023	1884/QĐ-UBND 28/6/2021	852		852			734		734		240		240	240		240	1.000		1.000	1.000		1.000	Ban QLDA	
13	Trường Mẫu giáo Bình Long (điểm chính mới)	BL	8 phòng học, hạ tầng kỹ thuật, thiết bị	C	2017-2020	15/QĐ-UBND 06/01/2016 3579/QĐ-	11.475	8.468	3.007		1679/QĐ-UBND 09/7/2019	11.286	8.367	2.919		4.984	2.478	2.506	4.984	2.478	2.506	200		200	200		200	Ban QLDA	
14	Trường MG Bình Chánh điểm chính	BC	Xây mới khối phòng học, phòng chức năng, HTKT, thiết bị	C	2019-2020	2383A/QĐ-UBND 30/10/2015	8.328	7.163	1.165		3091/QĐ-UBND ngày 23/12/2019	10.149	9.030	1.119		933	381	552	933	381	552	9		9	9		9	Ban QLDA	

STT	CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương			Lũy kế bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương			Nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Số Quyết định	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (NSH)	Trong đó		Tổng số (NSH)	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		Vốn đầu tư tập trung	Vốn sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn sử dụng đất		ĐTTT	SDĐ		ĐTTT	SDĐ		
15	Trường TH A Bình Chánh điểm chính	BC	9P.H+15P.CN+ Khối HTKT	C	2016-2017	2507/QĐ-UBND 05/11/2015 3550/QĐ-UBND 15/12/2016	13.741	10.773	2.968		3143/QĐ-UBND 27/12/2019	13.264	11.817	1.447		1.488	520	968	1.488	520	968	3		3	3		3	Ban QLDA	
16	Trường MN Bình Mỹ điểm chính	BM	14P học + bếp + Htruong + các p CN + CTPT + HTKT + TTB	C	2017-2018	206/QĐ-UBND 28/01/2016 3626/QĐ-UBND 311/QĐ-UBND 23/01/2017 22/12/2016	31.070	22.568	8.502		2716/QĐ-UBND 04/10/2016 645/QĐ-UBND 01/3/2017	31.069	22.568	8.501		2.442	1.276	1.166	2.442	1.276	1.166	50		50	50		50	Ban QLDA	
17	Trường TH D Bình Mỹ điểm chính	BM	Xây mới 08 phòng học + 01 phòng học ngoại ngữ + thư viện + các phòng chức năng; cải tạo 13 phòng học + nhà vệ sinh; công trình phụ trợ + HTKT; trang thiết bị	C	2016-2020	2594/QĐ-UBND 17/11/2015 241/QĐ-UBND 17/01/2017	15.873	11.359	4.514		2393/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	15.873	9.705	6.168		1.400	1.271	130	1.400	1.271	130	36		36	36		36	Ban QLDA	
18	Trường MG Ô Long Vĩ (điểm chính Long An)	OLV	DT: 5.000 m2 08 phòng học + các phòng chức năng + nhà bếp, TB	C	2019-2021	4079/VP-UBNDKGVX ngày 20/9/17	19.387	14.368	5.019		2734/QĐ-UBND 31/10/2018 1804/QĐ-	19.383	14.389	4.994		1.705	515	1.191	1.705	515	1.191	200		200	200		200	Ban QLDA	
19	Trường MG Ô Long Vĩ (điểm phụ Long Bình)	OLV	Xây mới 4 phòng học, ông trình phụ trợ, HTKT, thiết bị	C	2016-2020	3544/QĐ-UBND 15/12/2016	8.320	5.943	2.377		2107QĐ-UBND 10/10/2019	8.284	6.409	1.875		1.369	336	1.032	1.369	336	1.032	310		310	310		310	Ban QLDA	
20	Trường MG Ô Long Vĩ (điểm phụ Long Phú)	OLV	Xây mới 3 phòng học, ông trình phụ trợ, HTKT, thiết bị	C	2017-2020	3549/QĐ-UBND 15/12/2016	7.816	5.910	1.906		4073/QĐ-UBND 30/10/2018	7.327	5.443	1.884		1.333	293	1.040	1.333	293	1.040	17		17	17		17	Ban QLDA	
21	Trường TH A Ô Long Vĩ (điểm chính Long An)	OLV	DT khu đất khoảng 7.008m2; xây mới 20 phòng học, 01 phòng ngoại ngữ, thư viện, một số phòng chức năng; cải tạo một số phòng chức năng; CTPT, HTKT; TB	C	2019-2021	4079/VP-UBND-KGVX 20/9/2017	23.787	18.393	5.394		2735/QĐ-UBND 31/10/2018	23.775	18.279	5.496		1.924	1.000	924	1.924	1.000	924	600		600	600		600	Ban QLDA	
22	Trường TH C Ô Long Vĩ (điểm chính Long Phú)	OLV	Xây mới khối phòng học, phòng chức năng, khối hành chính quản trị, HTKT, thiết bị	C	2018-2019	4079/VP-UBND-KGVX 20/9/2017	23.586	18.476	5.110		2733/QĐ-UBND 31/10/2018	23.545	18.119	5.426		1.686	909	777	1.686	909	777	1.500		1.500	1.500		1.500	Ban QLDA	
23	Trường THCS Ô Long Vĩ (điểm chính Long An)	OLV	16 PH+ 06 PBM+ PCN+ CTPT+HTKT+ TB	C	2019-2022	4079/VP-UBND-KGVX 20/9/2017	37.388	29.069	8.319		260/QĐ-UBND 13/02/2019	43.457	34.044	9.413		1.420	0	1.420	1.420	0	1.420	3.500		3.500	3.500		3.500	Ban QLDA	
d	**Các hoạt động kinh tế**						**139.533**	**68.250**	**70.088**	**460**		**127.435**	**52.700**	**73.542**	**1.194**	**37.151**	**6.319**	**30.832**	**37.151**	**6.319**	**30.832**	**29.373**	**6**	**29.367**	**29.373**	**6**	**29.367**		
24	Cầu số 10 nối tỉnh lộ 941 huyện Châu Thành với đường Nam Kênh 10 huyện Châu Phú	BP	Chiều dài Cầu: 166,87m; Rộng: 6m. Chiều dài đường dẫn: 632m; Rộng: 5m	C	2021-2023	2946/QĐ-UBND 17/12/2020	37.421	26.219	10.468	734	1036/QĐ-UBND 17/5/2021	36.886	26.219	9.933	734	0			0			10.468		10.468	10.468		10.468	Ban QLDA	
25	Mở rộng nút giao thông đường đất kênh 3 - đường Bắc Vịnh Tre (bờ đồng cầu kinh 3)	MP		C	2020-2021	1083/QĐ-UBND 01/10/2020	432		432		2049/QĐ-UBND 13/11/2020	432		432		432		432	432		432	10		10	10		10	xã Mỹ Phú	
26	Láng nhựa tuyến Tây Kênh 7 xã Bình Chánh	BC	Chiều dài đường 4.665m, bề rộng 5,0m	C	2017-2018	787/UBND 04/08/2017	4.995	3.623	912	460	2074/QĐ-UBND 29/9/2017	4.993	3.568	966	460	0			0			39		39	39		39	xã Bình Chánh	
27	Tuyến nối từ điểm sạt lở bờ sông Hậu ấp Bình Tân đến tuyến tránh QL 91 đoạn qua Bình Mỹ	BM		C	2020-2021	1480/QĐ-UBND 24/8/2020	4.483	4.483			1174/QĐ-UBND 25/5/2020	4.075		4.075		4.075	4.075		4.075	4.075		50		50	50		50	Phòng KT-HT	
28	San lấp rạch Chánh Hưng kết hợp bố trí dân cư	BL	San lấp mặt bằng 78,373m2. Đường số 4=52m; đường số 5= 52m; đường số 6= 592m.	C	2016-2020	2756/QĐ-UBND 08/12/15; 985/QĐ-UBND 11/5/2021	51.766	33.925	17.841		2120/QĐ-UBND 20/8/19	40.908	22.913	17.995		0			0			16.900		16.900	16.900		16.900	Ban QLDA	
29	San lấp Hầm huyện ủy kết hợp bố trí dân cư	TTCD	SLMB, giao thông nội bộ, HTKT	C	2019-2020	1382/QĐ-UBND 03/07/2019	2.543	0	2.543		2231/QĐ-UBND 23/10/2019	2.257		2.257		0			0			1.800		1.800	1.800		1.800	Ban QLDA	
30	Khu dân cư Trung tâm thương mại Vịnh Tre	TTVTT	Đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, cấp điện	C	2018-2020	1865/QĐ-UBND 30/8/2017	36.892		36.892		319/QĐ-UBND 01/03/18	36.884		36.884		32.644	2.244	30.400	32.644	2.244	30.400	100		100	100		100	Ban QLDA	
31	Nâng cấp trang thiết bị CNTT phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính huyện	TTCD		C	2018-2020	3978/QĐ-UBND 12/10/18	1.000		1.000			1.000		1.000		0			0			6	6	0	6	6	0	VP.HU,HĐND-UBND	
e	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và chính trị xã hội**						**144.559**	**28.195**	**116.364**	**0**		**141.244**	**31.108**	**110.136**	**0**	**64.569**	**28.636**	**35.933**	**64.569**	**28.636**	**35.933**	**53.980**	**21.343**	**32.637**	**53.980**	**21.343**	**32.637**		
32	Mở rộng trụ sở Huyện ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú	TTCD	SLMB, xây mới nhà bếp, nhà vệ sinh, HTKT	C	2019-2021	2122/QĐ-UBND 11/10/2019	4.474	0	4.474		1695/QĐ-UBND 21/6/2020	4.754	0	4.754		2.199	699	1.500	2.199	699	1.500	3500		3500	3.500		3.500	Ban QLDA	
33	Nhà ăn Huyện ủy Châu Phú	TTCD	Xây mới nhà ăn	C	2019-2021	2121/QĐ-UBND 11/10/2019	6.444	0	6.444		2283/QĐ-UBND 31/10/2019;1049/QĐ-UBND 05/2/2021	6.412	0	6.412		362	362	0	362	362	0	6.000	4.700	1.300	6.000	4.700	1.300	Ban QLDA	

STT	CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương			Lũy kế bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương			Nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Số Quyết định	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (NSH)	Trong đó		Tổng số (NSH)	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		Vốn đầu tư tập trung	Vốn sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn sử dụng đất		ĐTTT	SDĐ		ĐTTT	SDĐ		
34	Nhà công vụ huyện ủy huyện Châu Phú	TTCD	Xây mới khối nhà công vụ	C	2020-2022	1843/QĐ-UBND 22/6/2021	5.452	0	5.452			5.315		5.315		1.000	0	1.000	1.000	0	1.000	5.481	1.000	4.481	5.481	1.000	4.481	Ban QLDA	
35	Trang thiết bị hội trường phục vụ đại hội Đảng bộ huyện, nhiệm kỳ 2020 - 2025	TTCD	Bàn ghế hội trường	C	2019-2020	2120/QĐ-UBND 11/10/19	6.096	0	6.096		2267/QĐ-UBND 29/10/2019	4.815	0	4.815		4.290	3.700	590	4.290	3.700	590	303		303	303		303	Ban QLDA	
36	Mua sắm trang thiết bị Trung tâm hành chính huyện Châu Phú	TTCD	Bàn ghế làm việc	C	2020-2021	2270/QĐ-UBND 14/12/2020	1.371		1.371							1.371		1.371	1.371		1.371	1.371	1.000	371	1.371	1.000	371	Ban QLDA	
37	Trụ sở HĐND và UBND huyện Châu Phú	TTCD	Xây mới khối nhà làm việc	C	2017-2020	67/HĐND-TT 31/03/2016	39.976	28.195	11.781		2826/QĐ-UBND 09/11/2018; 2575/QĐ-UBND 06/11/2020	39.741	31.108	8.633		6.410	4.434	1.976	6.410	4.434	1.976	900		900	900		900	Ban QLDA	
38	Khối Đảng - Đoàn thể huyện Châu Phú	TTCD	Xây mới nhà làm việc, thiết bị	C	2018-2021	1802/QĐ-UBND 07/9/2018	32.389	0	32.389		4070/QĐ-UBND 30/10/2018	32.389	0	32.389		20.215	7.510	12.705	20.215	7.510	12.705	15.234	4.000	11.234	15.234	4.000	11.234	Ban QLDA	
39	Trung tâm hành chính huyện Châu Phú	TTCD	Cải tạo hội trường và khối văn phòng hiện hữu Xây mới khối nhà làm việc, đường giao thông nội bộ, HTKT, Thiết bị	C	2018-2021	826/QĐ-UBND 21/5/2020	44.146	0	44.146		1379/QĐ-UBND 06/8/2020	43.775	0	43.775		27.899	11.931	15.968	27.899	11.931	15.968	18.838	8.416	10.422	18.838	8.416	10.422	Ban QLDA	
40	Văn phòng ấp Vĩnh Phú xã Vĩnh Thạnh Trung	TTVTT	Mua đất, cải tạo, sửa chữa nhà làm việc	C	2020-2021	1882/QĐ-UBND 15/10/2020	823		823		1980/QĐ-UBND 30/10/2020	812		812		823	0	823	823	0	823	10		10	10		10	TTVTT	
41	Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời hòa lưới điện 3 pha tại trụ sở HĐND & UBND huyện Châu Phú	TTCD	Hệ thống năng lượng mặt trời công suất 92,2kw- hệ hòa lưới điện 3 pha	C	2020-2021	2127/QĐ-UBND 24/11/2020	1.130		1.130		2144/QĐ-UBND 26/11/2020	1.081		1.081		0			0			83	83	0	83	83	0	VP.HU,HĐND-UBND	
42	Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời hòa lưới điện 3 pha tại trụ sở Khối Đảng - Đoàn thể huyện Châu Phú	TTCD	Hệ thống năng lượng mặt trời công suất 92,2kw- hệ hòa lưới điện 3 pha	C	2020-2021	2546/QĐ-UBND 31/12/2020	1.129		1.129		92/QĐ-UBND 11/01/2021	1.075		1.075		0			0			1.130	1.069	61	1.130	1.069	61	VP.HU,HĐND-UBND	
43	Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời hoà lưới điện 3 pha tại Trung tâm hành chính huyện Châu Phú	TTCD	Hệ thống năng lượng mặt trời công suất 92,2kw- hệ hòa lưới điện 3 pha	C	2020-2021	2545/QĐ-UBND 31/12/2020	1.129		1.129		91/QĐ-UBND 11/01/2021	1.075		1.075		0			0			1.130	1.075	55	1.130	1.075	55	VP.HU,HĐND-UBND	
II	**DỰ ÁN KHỞI CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 (146 dự án)**						**823.717**	**410.444**	**307.773**	**0**		**75.615**	**47.669**	**27.946**	**0**	**600**	**0**	**600**	**600**	**0**	**600**	**1.032.577**	**130.985**	**901.592**	**1.032.577**	**130.985**	**901.592**		
a	**Quốc phòng**						**0**	**0**	**0**	**0**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**11.300**	**10.000**	**1.300**	**11.300**	**10.000**	**1.300**		
44	Cải tạo trụ sở BCH QS thị trấn Cái Dầu	TTCD	Cải tạo khối nhà làm việc	C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
45	Trụ sở BCH QS xã Mỹ Phú	MP		C												0			0			3.000	3.000	0	3.000	3.000	0	Ban QLDA	
46	Trụ sở BCH QS xã Đào Hữu Cảnh	ĐHC		C												0			0			3.000	3.000	0	3.000	3.000	0	Ban QLDA	
47	Đường dẫn vào Ban chỉ huy Quân sự xã Bình Thủy	BT		C												0			0			1.300		1.300	1.300		1.300	Ban QLDA	
48	Trụ sở BCH QS xã Bình Phú	BP		C												0			0			3.000	3.000	0	3.000	3.000	0	Ban QLDA	
b	**An ninh và trật tự, an toàn xã hội**						**0**	**0**	**0**	**0**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**21.500**	**0**	**21.500**	**21.500**	**0**	**21.500**		
49	Cải tạo trụ sở Công an thị trấn Cái Dầu	TTCD		C												0			0			1.500		1.500	1.500		1.500	Ban QLDA	
50	Trụ sở Công an xã Thanh Mỹ Tây	TMT	Xây mới khối nhà làm việc	C												0			0			4.000		4.000	4.000		4.000	Ban QLDA	
51	Trụ sở Công an xã Mỹ Phú	MP		C												0			0			4.000		4.000	4.000		4.000	Ban QLDA	
52	Trụ sở Công an xã Đào Hữu Cảnh	ĐHC		C												0			0			4.000		4.000	4.000		4.000	Ban QLDA	
53	Trụ sở Công an xã Bình Chánh	BC		C												0			0			4.000		4.000	4.000		4.000	Ban QLDA	
54	Trụ sở Công an xã Bình Phú	BP		C												0			0			4.000		4.000	4.000		4.000	Ban QLDA	
c	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**						**398.031**	**309.767**	**88.264**	**0**		**23.670**	**17.179**	**6.491**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**163.394**	**5.834**	**157.560**	**163.394**	**5.834**	**157.560**		
55	Trường TH B thị trấn Cái Dầu	TTCD		C												0			0			20.540		20.540	20.540		20.540	Ban QLDA	
56	Trường TH C Vĩnh Thạnh Trung	TTVTT		C												0			0			11.180	5.834	5.346	11.180	5.834	5.346	Ban QLDA	
57	Trường MG Bình Long điểm chính (Chánh Hưng)	BL	04 PH + Khối phòng chức năng + NSV học sinh 21 xí + NSV giáo viên 2 + Công trình nước sạch + mở rộng HTKT + Mua đất 837m2 + Thiết bị	C	2021-2023	1224/QĐ-UBND 04/6/2021	23.670	17.179	6.491			23.670	17.179	6.491		0			0			5.280		5.280	5.280		5.280	Ban QLDA	

STT	CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương			Lũy kế bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương			Nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Số Quyết định	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (NSH)	Trong đó		Tổng số (NSH)	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		Vốn đầu tư tập trung	Vốn sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn sử dụng đất		ĐTTT	SDĐ		ĐTTT	SDĐ		
58	Trường TH A Bình Long (Bình Chánh)	BL	+ Đầu tư xây dựng 03 phòng học, 01 phòng tin học, 01 phòng truyền thống + Đội thiếu niên tiền phong, 01 phòng tổ chức Đảng đoàn thể, 02 phòng nghỉ giáo viên. + Cải tạo, sửa chữa: Khối phòng học tập, khối hỗ trợ học tập, khối hành chính quản trị, khối phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật, bổ sung thiết bị và mua đất mở rộng thêm 1.300m2.B5	C	2021-2023		23.225	17.356	5.869							0			0			4.250		4.250	4.250		4.250	Ban QLDA	
59	Trường TH B Bình Long điểm chính (Chánh Hưng)	BL	Xây dựng mới 04 PH (Rèn luyện thể chất + nghệ thuật + KHCN + Tin học) + Cải tạo các phòng chức năng hiện trạng + NBV + Cải tạo NVS học sinh 6 xí + xây mới 12 xí + cải tạo NVS GV 4 xí + HTKT + công trình nước sạch + Thiết bị	C	2021-2023		19.923	15.183	4.740							0			0			3.867		3.867	3.867		3.867	Ban QLDA	
60	Trường TH B Bình Long điểm phụ (Bình Thuận)	BL	Cải tại 08 PH + Cải tạo NVS 4 xí + Xây mới NVS 4 xí + NVSGV 2 xí + HTKT + Công trình nước sạch	C	2021-2023		5.835	4.632	1.203							0			0			1.203		1.203	1.203		1.203	Ban QLDA	
61	Trường THCS Bình Long	BL	Xây mới 02 phòng học + cải tạo 16 phòng + khối chức năng + NVS 36 xí + cải tạo 14 xí HS + NVS GV + cải tạo 02 xí GV + HTKT + Công trình nước sạch + Thiết bị	C	2021-2023		44.999	36.311	8.688							0			0			8.893		8.893	8.893		8.893	Ban QLDA	
62	Trường MG Thạnh Mỹ Tây điểm chính (Mỹ Bình)	TMT	Xây mới 06 phòng học + 01 phòng giáo dục thể chất + 01 phòng giáo dục nghệ thuật + 01 phong đa năng + Cải tạo 01 phòng học ; 01 nhà bếp, nhà ăn; Khối hành chính quản trị; Khối phụ trợ ; Hạ tầng kỹ thuật; Thiết bị.	C	2022-2024		28.609	21.783	6.826							0			0			5.575		5.575	5.575		5.575	Ban QLDA	
63	Trường MG Thạnh Mỹ Tây điểm phụ (Bờ Dâu)	TMT	Cải tạo 04 phòng học + Cải tạo 01 nhà bếp, nhà ăn + Hạ tầng kỹ thuật; Thiết bị.	C	2022-2024		4.980	4.097	883							0			0			1.118		1.118	1.118		1.118	Ban QLDA	
64	Trường TH A Thạnh Mỹ Tây (Tây An)	TMT	Xây mới 08 phòng học + Cải tạo 12 phòng học; Khối phòng học tập; Khối hỗ trợ học tập; Khối hành chính quản trị; Khối phụ trợ; Hạ tầng kỹ thuật; Thiết bị.	C	2022-2024		44.549	34.894	9.655							0			0			5.991		5.991	5.991		5.991	Ban QLDA	
65	Trường TH B Thạnh Mỹ Tây (Ba Xưa)	TMT	Xây mới 22 phòng học; Khối phòng học tập; Khối hỗ trợ học tập; Khối hành chính quản trị; Khối phụ trợ; Hạ tầng kỹ thuật; Thiết bị.	C	2022-2024		34.283	26.702	7.581							0			0			6.204		6.204	6.204		6.204	Ban QLDA	
66	Trường THCS Thạnh Mỹ Tây	TMT	Xây mới 10 phòng học + cải tạo 14 phòng học; Khối phòng hành chính quản trị; Khối phòng học tập; Khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật và; Thiết bị, mở rộng mua đất 3.500m2	B	2022-2024		56.836	44.216	12.620							0			0			9.943		9.943	9.943		9.943	Ban QLDA	
67	Trường MG Bình Phú điểm chính (Bình Đức)	BP	Xây mới 10 phòng học + 01 Phòng giáo dục thể chất + 01 Phòng giáo dục nghệ thuật + 01 phòng đa năng + 01 nhà bếp, nhà ăn + Khối hành chính quản trị; Khối phụ trợ; Hạ tầng kỹ thuật; Thiết bị; Mua đất 3.300m2	C	2024-2026		27.892	22.479	5.413							0			0			5.625		5.625	5.625		5.625	Ban QLDA	
68	Trường MG Bình Phú điểm phụ (Bình An)	BP	Xây mới 6 phòng học; Hạ tầng kỹ thuật; Thiết bị; Mua đất 2.500m2	C	2024-2026		12.020	9.453	2.567							0			0			2.748		2.748	2.748		2.748	Ban QLDA	
69	Trường TH A Bình Phú (Bình Đức)	BP	Xây mới 08 phòng học + Cải tạo 12 phòng học; Khối phòng học tập; Khối hỗ trợ học tập; Khối hành chính quản trị; Khối phụ trợ; Hạ tầng kỹ thuật; Thiết bị.	C	2023-2025		26.476	20.396	6.080							0			0			5.147		5.147	5.147		5.147	Ban QLDA	

STT	CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương			Lũy kế bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương			Nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Số Quyết định	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (NSH)	Trong đó		Tổng số (NSH)	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		Vốn đầu tư tập trung	Vốn sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn sử dụng đất		ĐTTT	SDĐ		ĐTTT	SDĐ		
70	Trường THCS Bình Phú	BP	Xây mới 08 phòng học + cải tạo 08 phòng học; Khối phòng hành chính quản trị; Khối phòng học tập; Khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật và; Thiết bị, mở rộng mua đất 2.000m2	C	2023-2025		44.734	35.086	9.648							0			0			9.648		9.648	9.648		9.648	Ban QLDA	
71	Trường Mẫu giáo Đào Hữu Cảnh	ĐHC		C												0			0			8.117		8.117	8.117		8.117	Ban QLDA	
72	Trường TH C Bình Thủy	BT		C												0			0			15.097		15.097	15.097		15.097	Ban QLDA	
73	Trường TH C Mỹ Đức (đối ứng)	MĐ		C												0			0			1.828		1.828	1.828		1.828	Ban QLDA	
74	Trường TH B Bình Chánh	BC		C												0			0			12.773		12.773	12.773		12.773	Ban QLDA	
75	Trường TH C Bình Mỹ (đối ứng)	BM		C												0			0			1.640		1.640	1.640		1.640	Ban QLDA	
76	Trường TH B Khánh Hòa	KH		C												0			0			12.927		12.927	12.927		12.927	Ban QLDA	
77	Trường TH B Ô Long Vĩ (điểm chính Long An)	OLV		C												0			0			3.800		3.800	3.800		3.800	Ban QLDA	
d	**Y tế, dân số và gia đình**						**7.500**	**6.500**	**1.000**	**0**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**38.797**	**0**	**38.797**	**38.797**	**0**	**38.797**		
78	Trạm y tế thị trấn Cái Dầu	TTCD		C												0			0			9.847		9.847	9.847		9.847	Ban QLDA	
79	Trạm Y tế xã Bình Phú	BP	Xây mới nhà làm việc + công trình phụ trợ + hạ tầng kỹ thuật + thiết bị	C	2023-2025		7.500	6.500	1.000							0			0			750		750	750		750	Ban QLDA	
80	Trạm y tế xã Đào Hữu Cảnh	ĐHC		C												0			0			9.400		9.400	9.400		9.400	Ban QLDA	
81	Trạm y tế xã Bình Thuỷ	BT		C												0			0			9.400		9.400	9.400		9.400	Ban QLDA	
82	Trạm y tế xã Ô Long Vĩ	OLV		C												0			0			9.400		9.400	9.400		9.400	Ban QLDA	
e	**Văn hóa, thông tin**						**7.700**	**4.389**	**3.311**	**0**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**136.011**	**33.311**	**102.700**	**136.011**	**33.311**	**102.700**		
83	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Châu Phú	TTCD		C												0			0			100.000		100.000	100.000		100.000	Ban QLDA	
84	Cải tạo, sửa chữa Cốc Đạo Cây	ĐHC	Cải tạo chỉnh điện, nâng nền công trình	C	2023-2025		4.200	2.394	1.806							0			0			1.806	1.806	0	1.806	1.806	0	Ban QLDA	
85	Cải tạo, sửa chữa Đình Bình Thủy	BT	Thay mái ngói, rui mè, xà gồ, cải tạo gia cố vách, lát gạch nền	C	2023-2025		3.500	1.995	1.505							0			0			1.505	1.505	0	1.505	1.505	0	Ban QLDA	
86	Cải tạo, sửa chữa Đình Bình Mỹ (đối ứng)	BM		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
87	Xây dựng bia chiến Thắng, xã Khánh Hòa	KH		C												0			0			700		700	700		700	Ban QLDA	
88	Điểm sinh hoạt văn hóa khóm Thạnh An, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung	TTVTT		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
89	Điểm sinh hoạt văn hóa Khóm Thạnh Lợi, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung	TTVTT		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
90	Điểm sinh hoạt văn hóa khóm Vĩnh Hòa, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung	TTVTT		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
91	Điểm sinh hoạt văn hóa khóm Vĩnh Quới, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung	TTVTT		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
92	Điểm sinh hoạt văn hóa khóm Vĩnh Quý, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung	TTVTT		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
93	Điểm sinh hoạt văn hóa khóm Vĩnh Thuận, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung	TTVTT		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
94	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Châu, xã Bình Long	BL		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
95	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Chiến, xã Bình Long	BL		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
96	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Hưng, xã Bình Long	BL		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
97	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Thuận, xã Bình Long	BL		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
98	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Cầu Dây, xã Thạnh Mỹ Tây	TMT		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
99	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Long Châu, xã Thạnh Mỹ Tây	TMT		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
100	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Tây An, xã Thạnh Mỹ Tây	TMT		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
101	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Thạnh Phú, xã Thạnh Mỹ Tây	TMT		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
102	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Điền, xã Bình Phú	BP		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	

STT	CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương			Lũy kế bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương			Nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Trong đó: Ngân sách huyện	Trong đó: Nguồn vốn khác	Số Quyết định	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Trong đó: Ngân sách huyện	Trong đó: Nguồn vốn khác	Tổng số (NSH)	Trong đó: Vốn đầu tư tập trung	Trong đó: Vốn sử dụng đất	Tổng số (NSH)	Trong đó: Vốn đầu tư tập trung	Trong đó: Vốn sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: ĐTTT	Trong đó: SDĐ	Tổng số	Trong đó: ĐTTT	Trong đó: SDĐ		
103	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Tây, xã Bình Phú	BP		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
104	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Hưng Phát, xã Đào Hữu Cảnh	ĐHC		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
105	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Hưng Phú, xã Đào Hữu Cảnh	ĐHC		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
106	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Hưng Thới, xã Đào Hữu Cảnh	ĐHC		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
107	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Mỹ Hiệp, xã Mỹ Đức	MĐ		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
108	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Đức	MĐ		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
109	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Đức	MĐ		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
110	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Lộc, xã Bình Chánh	BC		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
111	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Chánh 1, xã Bình Mỹ	BM		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
112	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Hưng 1, xã Bình Mỹ	BM		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
113	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Minh, xã Bình Mỹ	BM		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
114	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Tân, xã Bình Mỹ	BM		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
115	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Trung, xã Bình Mỹ	BM		C												0			0			1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
116	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Khánh Đức xã Khánh Hoà	KH		C												0			0			1000	1000	0	1.000	1.000	0	Ban QLDA	
117	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Khánh Thuận, xã Khánh Hòa	KH		C												0			0			1000		1000	1.000		1.000	Ban QLDA	
118	Điểm sinh hoạt văn hóa ấp Khánh Phát xã Khánh Hoà	KH		C												0			0			1000		1000	1.000		1.000	Ban QLDA	
f	**Bảo vệ môi trường**						**0**	**0**	**0**	**0**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**56.500**	**0**	**56.500**	**56.500**	**0**	**56.500**		
119	Các công trình xây dựng hệ thống xử lý chất thải và lập thủ tục môi trường của 42 cụm tuyến dân cư, chợ	HCP		C												0			0			42.000		42.000	42.000		42.000	Ban QLDA	
120	Hệ thống thu gom, xử lý chất thải nông nghiệp	HCP		C												0			0			9.500		9.500	9.500		9.500	Ban QLDA	
121	Phương án khắc phục khu điểm ô nhiễm rạch Thạnh Mỹ	TTVTT		C												0			0			5.000		5.000	5.000		5.000	Ban QLDA	
g	**Các hoạt động kinh tế**						**349.836**	**51.298**	**193.038**	**0**		**5.429**	**0**	**5.429**	**0**	**600**	**0**	**600**	**600**	**0**	**600**	**495.402**	**27.667**	**467.735**	**495.402**	**27.667**	**467.735**		
122	Kéo mới đường dây điện Đường Đông kênh 13 - xã Bình Phú	BP		C												0			0			1.200		1.200	1.200		1.200	Phòng KT-HT	
123	Kéo mới đường dây đường Nam kênh 10 chữ S (từ kênh 15 - kênh 8 Cốc) - xã Bình Phú	BP		C												0			0			500		500	500		500	Phòng KT-HT	
124	Kéo mới đường dây trung thế 3 pha đường kênh Quốc Gia - xã Bình Phú	BP		C												0			0			3.500		3.500	3.500		3.500	Phòng KT-HT	
125	Nâng cấp đường Trần Hưng Đạo, Lý Nhân Tông, Bùi Thị Xuân (từ khu Sao Mai đến KDC Đông Bắc QL 91 và từ QL 91 đến sông Hậu)	TTCĐ	Cải tạo mở rộng đường giao thông, hệ thống thoát nước	C	2021-2025	1082/QĐ-UBND 25/6/2020	23.554		23.554							200		200	200		200	23.554		23.554	23.554		23.554	Ban QLDA	
126	Nâng cấp công trình đường Trần Văn Thành (từ tượng đài Trần Văn Thành đến sông Hậu)	TTCĐ	Cải tạo mở rộng đường giao thông, hệ thống thoát nước	C	2021-2025	2272/QĐ-UBND 14/12/2020	6.480		6.480							200		200	200		200	6.480		6.480	6.480		6.480	Ban QLDA	
127	Nâng cấp công trình hệ thống giao thông tại khu vực chợ Cái Dầu	TTCĐ	Cải tạo đường giao thông, hệ thống thoát nước	C	2021-2025	1143/QĐ-UBND 02/7/2020	33.399		33.399							200		200	200		200	33.399		33.399	33.399		33.399	Ban QLDA	
128	Mở rộng đường Nam Kênh 10 (suốt tuyến)	TTCĐ-BP		C												0			0			15.000		15.000	15.000		15.000	Ban QLDA	
129	Đường nối giữa đường tỉnh 945 cũ và mới (500m/tuyến)	TTVTT-TMT-ĐHC		C												0			0			16.000		16.000	16.000		16.000	Ban QLDA	
130	Nâng cấp đường Đông Kênh 7 (Kênh Núi Chóc – Kinh Đào) (26km)	BC -BL-VTT-ÔLV	Dài 26Km, rộng 5m	C												0			0			25.000		25.000	25.000		25.000	Ban QLDA	
131	Nâng cấp tuyesn đường Nam Cần Thảo (từ QL 91 đến rừng tràm Trà Sư, Tịnh Biên)	MP-OLV	Dài 20,6 km, láng nhựa, tải trọng 8T, rộng 8m (gồm đường giao thông, 5 cầu, 7 cống)	B	2023-2026		240.902	11.714	123.688							0			0			73.454	17.667	55.787	73.454	17.667	55.787	Ban QLDA	
132	Xây dựng tiếp đường số 4 (Công viên Hai Bà Trưng đến phòng Giáo dục cũ)	TTCĐ		C												0			0			4000		4000	4.000		4.000	Ban QLDA	
133	Đường Đông Kênh 8 (đoạn từ Cây Dương đến Kênh Quốc gia) - xã Bình Long	BL		C												0			0			5.000		5.000	5.000		5.000	Ban QLDA	

STT	CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương			Lũy kế bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương			Nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Số Quyết định	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (NSH)	Trong đó		Tổng số (NSH)	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		Vốn đầu tư tập trung	Vốn sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn sử dụng đất		ĐTTT	SDĐ		ĐTTT	SDĐ		
134	Láng nhựa đường Nam kênh Quốc gia (đoạn từ Cầu Kênh 7 đến cầu Kênh 8) - xã Bình Long	BL		C												0			0			5.500		5.500	5.500		5.500	Ban QLDA	
135	Nâng cấp, mở rộng đường Nam Phú Dật (đoạn từ cầu Phú Dật đến cầu Kênh Đê) - xã Bình Long	BL		C												0			0			4.000		4.000	4.000		4.000	Ban QLDA	
136	Láng nhựa đường Bắc Kênh 10 Châu Phú (K8-K13): ngang 5m; dài 5km - xã Thạnh Mỹ Tây	TMT		C												0			0			9.675		9.675	9.675		9.675	Ban QLDA	
137	Láng nhựa đường Đông Kênh 11 (Tỉnh lộ 945 cũ - Bắc Kênh 10 Châu Phú): ngang 5m; dài 5km - xã Thạnh Mỹ Tây	TMT		C												0			0			9.675		9.675	9.675		9.675	Ban QLDA	
138	Láng nhựa đường Đông Kênh 13 (Tỉnh lộ 945 cũ - Bắc Kênh 10 Châu Phú): ngang 5m; dài 5km - xã Thạnh Mỹ Tây	TMT		C												0			0			9.675		9.675	9.675		9.675	Ban QLDA	
139	Láng nhựa đường Tây Kênh 7 (Tỉnh lộ 945 cũ - Ngã Tư Rạch Cây Gáo): ngang 5m; dài 4,5km - xã Thạnh Mỹ Tây	TMT		C												0			0			9.675		9.675	9.675		9.675	Ban QLDA	
140	Láng nhựa đường Tây Kênh 8 (Tỉnh lộ 945 cũ - Bắc Kênh 10 Châu Phú): ngang 5m; dài 5km = xã Thạnh Mỹ Tây	TMT		C												0			0			10.965		10.965	10.965		10.965	Ban QLDA	
141	Mở rộng tuyến đường Bắc Vịnh Tre (từ QL91 - Hào Đề Lớn) khoảng 6 Km	MP		C												0			0			10.000		10.000	10.000		10.000	Ban QLDA	
142	Bê tông cầu kênh Quốc Gia - Tây Kênh 10 - xã Bình Phú	BP		C												0			0			5000		5000	5.000		5.000	Ban QLDA	
143	Nâng cấp, láng nhựa Đông Hào Đề Lớn (5km)	MP		C												0			0			8.000		8.000	8.000		8.000	Ban QLDA	
144	Nâng cấp, láng nhựa Đường Đông kênh 3 (5km x 5m)- Mỹ Phú	MP		C												0			0			7.500		7.500	7.500		7.500	Ban QLDA	
145	Nâng cấp, mở rộng đường Mậu Thân (xã Mỹ Phú) (4km)	MP		C												0			0			8.000		8.000	8.000		8.000	Ban QLDA	
146	Nâng cấp, mở rộng, bê tông đường Nam Mương Bộ đội (xã Mỹ Phú) (5km)	MP		C												0			0			8.000		8.000	8.000		8.000	Ban QLDA	
147	Láng nhựa đường Đông Kênh ranh - xã Đào Hữu Cảnh	ĐHC		C												0			0			4.500		4.500	4.500		4.500	Ban QLDA	
148	Láng nhựa đường vòng xã Bình Thủy	BT	Dài 18,5 Km, Rộng 5m	C												0			0			31.450		31.450	31.450		31.450	Ban QLDA	
149	Láng nhựa đường Bắc kênh Đinh (từ kênh Hào Sương - Đông Kênh 7) - Bình Chánh	BC		C												0			0			2.700		2.700	2.700		2.700	Ban QLDA	
150	Láng nhựa đường Tây Kênh Hào Sương (từ tỉnh lộ 947 - kênh Năng Gù) - Bình Chánh	BC		C												0			0			3.900		3.900	3.900		3.900	Ban QLDA	
151	Láng nhựa đường Nam kênh Đinh (từ mương Năm Trị - kênh Hào Sương) - Bình Mỹ	BM		C												0			0			5.100		5.100	5.100		5.100	Ban QLDA	
152	Đường nối ấp Khánh Thuận – Khánh Mỹ (xã Khánh Hòa) (6km)	KH	Dài 6Km, rộng 5m	C												0			0			26.000		26.000	26.000		26.000	Ban QLDA	
153	Đường nối Cầu Ba Ngan – Chợ Giồng Xoài (xã Khánh Hoà) (2km)	KH	Dài 2Km, rộng 5m	C												0			0			10.000		10.000	10.000		10.000	Ban QLDA	
154	Tuyến đường từ Trụ sở UBND xã đến trường TH "A" Khánh Hoà	KH	Dài 1.718m, láng nhựa, tải trọng 8T, rộng 5m	C	2021-2023	1841/QĐ-UBND 22/6/2021	5.429		5.429			5.429		5.429		0			0			5.428		5.428	5.428		5.428	Ban QLDA	
155	Mở rộng láng nhựa đường vòng xã Khánh Hòa		Dài 28Km, rộng 5m	C												0			0			25.000		25.000	25.000		25.000	Ban QLDA	
156	Cầu Kênh 1 (ĐT.947 – Bắc Cây Dương) Bình Long - Bình Mỹ	BL-BM		C												0			0			4.000		4.000	4.000		4.000	Ban QLDA	
157	Cầu Kênh 7 (ĐT.947 – Bắc Cây Dương) Bình Chánh - Bình Long	BC-BL		C												0			0			4.000		4.000	4.000		4.000	Ban QLDA	
158	Cầu Vĩnh Thành, ngang Kênh 10 (thị trấn Cái Dầu - Vĩnh Thạnh Trung)	TTCD-TTVTT		C												0			0			10.000		10.000	10.000		10.000	Ban QLDA	
159	Cầu Kênh 7 (Đường tỉnh 945 cũ) VTT	TTVTT		C												0			0			8.000		8.000	8.000		8.000	Ban QLDA	
160	Cầu Kênh 7 Nam Quốc gia - xã Bình Long	BL		C												0			0			6.000		6.000	6.000		6.000	Ban QLDA	
161	Cầu Kênh 8 Thạnh Mỹ Tây	TMT		C												0			0			10.000		10.000	10.000		10.000	Ban QLDA	
162	Cầu Đông kênh Ranh (ranh Ô Long Vĩ - Trà Sư)	OLV		C												0			0			5.000		5.000	5.000		5.000	Ban QLDA	
163	Cầu kênh 15 Bắc ngang Kênh Cần Thảo - xã Ô Long Vĩ	OLV		C												0			0			6.000		6.000	6.000		6.000	Ban QLDA	
164	Khu tái định cư Đường tỉnh 945 huyện Châu Phú	ĐHC	3,9 ha; 150 nền	C	2022-2024		40.071	39.584	487							0			0			571		571	571		571	Ban QLDA	

STT	CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương			Lũy kế bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương			Nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Số Quyết định	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (NSH)	Trong đó		Tổng số (NSH)	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		Vốn đầu tư tập trung	Vốn sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn sử dụng đất		ĐTTT	SDĐ		ĐTTT	SDĐ		
165	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thục tục hành chính	TTCD		C												0			0			10.000	5.000	5.000	10.000	5.000	5.000	Ban QLDA	
166	Lắp đặt hệ thống loa phát thanh IP trên địa bàn Thị trấn Cái Dầu và thị trấn Vĩnh Thạnh Trung	TTCD-TTVTT		C												0			0			5.000	5.000	0	5.000	5.000	0	TTCD-TTVTT	
h	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và chính trị xã hội**						**60.650**	**38.490**	**22.160**	**0**		**46.516**	**30.490**	**16.026**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**109.673**	**54.173**	**55.500**	**109.673**	**54.173**	**55.500**		
167	Trung tâm phục vụ hành chính công huyện Châu Phú	TTCD	Xây mới khối nhà làm việc, thiết bị	C												0			0			8.000	8.000	0	8.000	8.000	0	Ban QLDA	
168	Cải tạo trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân và khối vận thị trấn Cái Dầu	TTCD	Cải tạo khối nhà làm việc	C			1.500		1.500							0			0			5.500	5.500	0	5.500	5.500	0	Ban QLDA	
169	Trụ sở UBND xã Bình Long	BL	Xây mới nhà làm việc + công trình phụ trợ + hạ tầng kỹ thuật + thiết bị	C	2021-2023	929/QĐ-UBND 06/5/2021	16.029	11.155	4.874			16.029	11.155	4.874		0			0			4.874	4.874	0	4.874	4.874	0	Ban QLDA	
170	Trụ sở UBND xã Mỹ Phú	MP	Xây mới nhà làm việc + công trình phụ trợ + hạ tầng kỹ thuật + thiết bị	C	2021-2023	1593/QĐ-UBND 12/7/2021	24.170	15.335	8.835			24.170	15.335	8.835		0			0			8.835	8.835	0	8.835	8.835	0	Ban QLDA	
171	Trụ sở UBND xã Đào Hữu Cảnh	ĐHC		C												0			0			32.500		32.500	32.500		32.500	Ban QLDA	
172	Trụ sở UBND xã Bình Phú	BP		C												0			0			23.000		23.000	23.000		23.000	Ban QLDA	
173	Di dời, cải tạo Trụ sở UBND thị trấn Vĩnh Thạnh Trung	TTVTT		C												0			0			5.000	5.000	0	5.000	5.000	0	Ban QLDA	
174	Trung tâm văn hóa, thể thao xã Bình Long	BL	- Xây mới khối nhà làm việc, hội trường + sân sinh hoạt ngoài trời + sân bóng đá mini + hạ tầng kỹ thuật + Thiết bị	C	2021-2023	658/QĐ-UBND 30/3/2021	6.317	4.000	2.317			6.317	4.000	2.317		0			0			2.317	2.317	0	2.317	2.317	0	Ban QLDA	
175	Trung tâm văn hóa, thể thao xã Thạnh Mỹ Tây	TMT	- Xây mới khối nhà làm việc, hội trường + sân sinh hoạt ngoài trời + sân bóng đá mini + hạ tầng kỹ thuật + Thiết bị	C	2022-2024		6.317	4.000	2.317							0			0			2.500	2.500	0	2.500	2.500	0	Ban QLDA	
176	Trung tâm văn hóa, thể thao xã Bình Phú	BP	- Xây mới khối nhà làm việc, hội trường + sân sinh hoạt ngoài trời + sân bóng đá mini + hạ tầng kỹ thuật + Thiết bị	C	2023-2025		6.317	4.000	2.317							0			0			3.750	3.750	0	3.750	3.750	0	Ban QLDA	
177	Trung tâm văn hóa, thể thao xã Mỹ Phú	MP		C												0			0			6.317	6.317	0	6.317	6.317	0	Ban QLDA	
178	Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại trụ sở UBND thị trấn Cái Dầu	TTCD		C												0			0			590	590	0	590	590	0	Phòng KT-HT	
179	Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại trụ sở UBND Thị trấn Vĩnh Thạnh Trung	TTVTT		C												0			0			590	590	0	590	590	0	Phòng KT-HT	
180	Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại trụ sở UBND xã Bình Long	BL		C												0			0			590	590	0	590	590	0	Phòng KT-HT	
181	Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại trụ sở UBND xã Thạnh Mỹ Tây	TMT		C												0			0			590	590	0	590	590	0	Phòng KT-HT	
182	Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại trụ sở UBND xã Bình Phú	BP		C												0			0			590	590	0	590	590	0	Phòng KT-HT	
183	Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại trụ sở UBND xã Mỹ Phú	MP		C												0			0			590	590	0	590	590	0	Phòng KT-HT	
184	Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại trụ sở UBND xã Đào Hữu Cảnh	ĐHC		C												0			0			590	590	0	590	590	0	Phòng KT-HT	
185	Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại trụ sở UBND xã Bình Thuỷ	BT		C												0			0			590	590	0	590	590	0	Phòng KT-HT	
186	Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại trụ sở UBND xã Mỹ Đức	MĐ		C												0			0			590	590	0	590	590	0	Phòng KT-HT	
187	Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại trụ sở UBND xã Bình Chánh	BC		C												0			0			590	590	0	590	590	0	Phòng KT-HT	
188	Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại trụ sở UBND xã Khánh Hoà	KH		C												0			0			590	590	0	590	590	0	Phòng KT-HT	
189	Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại trụ sở UBND xã Ô Long Vĩ	OLV		C												0			0			590	590	0	590	590	0	Phòng KT-HT	